

Số: /QĐ-BVCD

Chợ Đồn, ngày 15 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai thu – chi quý 2/2026

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN CHỢ ĐỒN

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn;
Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính
hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các
tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày
28/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;*

*Căn cứ Quyết định số 2780/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền
hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Chợ Đồn thuộc Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên;
Xét đề nghị của Trưởng phòng Hành chính – Kế hoạch – Tổng hợp.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu thu – chi quý 2 năm 2026 (Theo phụ biểu đính kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng Phòng Hành chính – Kế hoạch – Tổng hợp và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Như điều 3 (T/hiện);
- BGĐ BVCD (Đ/b);
- Phòng HCKHTH (CK trên trang TTĐT);
- Lưu: VT, KT.

GIÁM ĐỐC

Nông Văn Quân

SỞ Y TẾ TỈNH THÁI NGUYÊN
BỆNH VIỆN CHỢ ĐỒN

CÔNG KHAI SỐ LIỆU THU - CHI
Quý 2/2026

A. PHẦN THU

TT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN THU	Thuốc, vật tư y tế được BHYT quyết toán	Thuốc, vật tư y tế, hóa chất không trong BHYT	Số tiền còn được sử dụng	Ghi chú
A	B	1	2	3	4=1-2-3	
1	Thu BHYT	5.648.440.700	1.892.854.953		3.755.585.747	Thuốc, vật tư y tế, hóa chất không trong BHYT Khoa được chưa báo cáo số liệu
2	Thu KCB không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ BHYT, % BHYT bệnh nhân cùng chi trả	413.322.560			277.138.310	
3	Thu trông xe	19.437.000			19.437.000	
4	Ngân sách nhà nước				-	
Tổng thu tháng 1/2026		6.081.200.260	1.892.854.953	-	4.188.345.307	

B. PHẦN CHI

TT	NỘI DUNG	Tổng số	Đã thanh toán	Nợ chưa thanh toán lương trong quý	Ghi chú
1	Lương ngạch bậc	1.916.882.954	695.576.700	1.221.306.254	
2	Tiền lương hợp đồng	145.176.396	50.492.310	94.684.086	
3	Phụ cấp chức vụ	57.451.680	20.592.000	36.859.680	
4	Phụ cấp khu vực	266.175.000	88.920.000	177.255.000	
	Phụ cấp thêm giờ	65.711.951	65.711.951		Thanh toán Quý 1/2026
5	Phụ cấp độc hại	29.718.000	10.530.000	19.188.000	
6	Phụ cấp ưu đãi nghề	857.426.403	289.434.319	567.992.084	
7	Phụ cấp trách nhiệm	4.914.000	1.638.000	3.276.000	
	Phụ cấp trực	115.842.000	115.842.000		Thanh toán Quý 1/2026
8	Phụ cấp TNVK	5.046.608	1.808.820	3.237.788	
	Phụ cấp khác (phẫu thuật, thủ thuật)	54.198.000	54.198.000		Thanh toán Quý 1/2026

9	Bảo hiểm xã hội	520.120.759	134.072.721	386.048.038	
10	Bảo hiểm y tế	91.110.019	22.983.895	68.126.124	
11	Kinh phí công đoàn	45.430.754	15.152.478	30.278.276	
12	Bảo hiểm thất nghiệp	37.939.574	7.661.298	30.278.276	
	Tổng chi lương và các khoản đóng góp	4.213.144.098	1.574.614.492	2.638.529.606	
13	Tiền điện	86.825.088	86.825.088		
14	Tiền nước	30.175.200	30.175.200		
15	Tiền xăng dầu	18.710.979	18.710.979		
16	VPP; Vật tư văn phòng	76.032.400	76.032.400		
17	Cước điện thoại	800.657	800.657		
18	Cước internet	8.566.920	8.566.920		
19	Công tác phí	-			
20	Thuê phương tiện vận chuyển	8.331.600	8.331.600		
21	Chi phí thuê mướn khác (bao gồm cả thuê máy chủ)	120.000.000	120.000.000		
22	Phí phần mềm kế toán	-	-		
23	Sửa chữa ô tô	22.290.000	22.290.000		
24	Chi tiếp khách	-			
25	Các khoản chi khác	-			
26	Chi cho công tác Đảng (phụ cấp cấp ủy)	8.424.000	2.808.000	5.616.000	

Tổng cộng	<u>4.593.300.942</u>	<u>1.949.155.336</u>	<u>2.644.145.606</u>	